

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ VÀ DOANH NGHIỆP VN KHI GIA NHẬP WTO

GS.TS ĐỖ ĐỨC BÌNH
Trường Đại Học KTQD

6 CHUYỂN H- ỚNG LỚN CỦA KINH TẾ THẾ GIỚI TỪ THẾ KỶ 20 SANG THẾ KỶ 21

- Từ kỷ nguyên công nghiệp chế tạo sang kỷ nguyên công nghệ cao do công nghệ thông tin dẫn dắt.
- Từ lao động cơ bắp sang lao động trí tuệ
- Từ sản xuất vật chất sang dịch vụ
- Từ thị trường quốc gia sang thị trường khu vực và thế giới
- Từ phân công lao động theo nguồn lực sang tối ưu hóa hoạt động thị trường
- Từ mục tiêu đáp ứng nhu cầu cơ bản sang nâng cao chất lượng cuộc sống

Những chiều hướng này tác động mạnh đến KT& DNVN

BỀ I C¶ NH

❖ Bối cảnh chung

- Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ bùng nổ.
- Quá trình Quốc tế hoá và toàn cầu hoá.
- Nền kinh tế thế giới đang chuyển từ đối đầu đối thoại... →
- Xuất hiện nhiều c- ờng quốc và trung tâm kinh tế mới
- Xuất hiện khu vực kinh tế Châu á -TBD
- Hội nhập quốc tế (AFTA, WTO...), toàn cầu hoá
- Kinh tế dựa trên trí thức
- Nguồn lực ngày càng trở lên khan hiếm hơn
- Cạnh tranh ngày càng quyết liệt

NHỮNG XU H- ỚNG LỚN TRONG DOANH NGHIỆP CÁC N- ỚC

- Nhiều vụ sáp nhập & mua lại (M&A)
 - hình thành các công ty đa quốc gia (MNCs) lớn hơn, mạnh hơn (và là nguồn FDI lớn nhất)
 - bản thân MNCs tự điều chỉnh thành các mạng lưới gồm nhiều cty con (*“có hồn và tốc độ của một cty nhỏ trong thân xác lớn”*)
- Phát triển các liên kết (clusters) của các DN nhỏ và vừa (SMEs) → tăng hiệu quả & sức cạnh tranh
- Phát triển mạnh các mạng lưới kinh doanh, các dây chuyền cung cấp toàn cầu hóa

NHỮNG DIỄN BIẾN QUỐC TẾ TRỰC TIẾP TÁC ĐỘNG LỚN ĐẾN KINH TẾ VN

- Trung quốc gia nhập WTO, Ấn độ phát triển mạnh
- Những phát triển mới trong khu vực, đặc biệt là Cộng đồng KT ASEAN, ACFTA, ASEAN + 3 / +6
- EU, NAFTA mở rộng
- Xu hướng gia tăng các FTA, RTA, APEC FTA
- Vai trò gia tăng của dịch vụ, sở hữu trí tuệ, công nghệ thông tin, out-sourcing, off-shoring trong thương mại
- Tự do hóa TM // sự tăng cường chính sách bảo hộ và các rào cản TM hiện đại
- Thị trường thế giới biến động liên tục, khó dự đoán

BỐI CẢNH QUỐC TẾ TÁC ĐỘNG ĐẾN KINH TẾ VN NH- THẾ NÀO

- Áp lực cạnh tranh gia tăng (xuất, nhập khẩu, FDI, vị thế trong các liên kết KT khu vực/toàn cầu)
- Xu hướng chung tạo sức ép đòi hỏi ta mở cửa, tự do hóa mạnh, nhanh, toàn diện hơn
- Nguy cơ thương mại khu vực chuyển hướng bất lợi cho VN, VN bị rớt lại sau những trào lưu mới
- Điều kiện hội nhập khó khăn hơn, bị giám sát chặt hơn, thời gian quá độ không dài
- VN có thời cơ vàng, song phải có năng lực và nỗ lực cực lớn mới tận dụng được

BỐI CẢNH TRONG N- ỚC

1. *Chủ động hội nhập quốc tế*: VN ở chặng đường mới của HNKTQT, có nhiều thời cơ, thách thức, cam kết mới (AFTA, ASEAN +, ASEM, APEC, WTO, FTA...)
2. *Thế và lực của VN*: nền tảng mới cao hơn, mạnh hơn, song vẫn là nền KT đang phát triển ở trình độ thấp
3. *Thể chế kinh tế và môi trường kinh doanh*: tốt hơn, song còn chặng đường dài để hoàn thành chuyển đổi sang KT thị trường
4. *Lực lượng doanh nghiệp, doanh nhân* (đội quân xung kích trong HNKTQT): đông đảo, trưởng thành hơn, song năng lực cạnh tranh còn hạn chế

VỊ TRÍ CỦA VN TRONG KT TOÀN CẦU & KHU VỰC

Vị trí VN trong KT toàn cầu:

- GDP 2005: VN 53 tỉ / toàn cầu 38.000 tỉ USD (0,14%)
- Xuất khẩu 2005: VN 33 tỉ / toàn cầu 10.000 tỉ \$ (0,3%)

Vị trí VN trong KT ASEAN:

- GDP 2005 theo ASEAN: VN 47 tỉ / ASEAN 849 tỉ \$
(5,5%) (IA 270, TL167, M'a 132, S'po 115, RP 95 tỉ)
- GDP 2005 tính theo đầu người: VN 567 / ASEAN 1500 \$
(S'po 26000, Brunei 17000, M'a 5100, TL 2500, IA 1200, RP 1000)
- Xuất khẩu 2004: VN 26,5 tỉ / ASEAN 525,6 tỉ USD (5%)
(S'po 179; M'a 126,5; TL 97,4; IA 71,6; RP 39,7 tỉ)

VỊ TRÍ CỦA VN TRONG XẾP HẠNG NLCT TOÀN CẦU

- *Xếp hạng NLCT toàn cầu của WEF 2006: VN thứ 77/125 nước (-3 bậc so với '05), trong đó: thể chế thứ 74, cơ sở hạ tầng 83, KT vĩ mô 53, y tế & giáo dục phổ thông 56, giáo dục đại học 90, hiệu quả thị trường 73, độ sẵn sàng về công nghệ 85, mức độ hài lòng DN 86, mức độ sáng tạo 75*
- *Xếp hạng môi trường KD của WB/IFC 2007: VN 104/175 nước (-5 bậc so với '06), trong đó: khởi sự DN thứ 97, cấp phép 25, thuê LĐ 104, đăng ký tài sản 34, tiếp cận tín dụng 83, bảo vệ nhà đầu tư 170, nộp thuế 120, XNK 75, thực hiện hợp đồng 94, đóng cửa DN 116*
- *B/c của LHQ về FDI 2006: VN 74/114 nước về triển vọng thu hút FDI năm '05 (-4 bậc), thứ 53 về hiệu quả FDI. Tổng FDI ở VN '05 = 8,3% ĐNÁ, 1,13% các nước ĐPT, 0,3% toàn thế giới.*

THUỖN LÍ I CŨ A VIỆT NAM TRONG HÉ I NHỐP KTQT

- Có những nguồn lực to lớn và lợi thế quan trọng
- Nằm trong khu vực phát triển năng động nhất của nền KTTG
- Thành tựu của 20 năm đổi mới
- Có nhiều cơ hội thuận lợi trong th- ơng mại và đầu t-
- Là ng- ời đi sau nên có điều kiện học hỏi, rút kinh nghiệm
- Sự ổn định về chính trị, ổn định t- ơng đối về kinh tế vĩ mô, sự nhất quán trong đ- ường lối đổi mới của Đảng và Nhà n- ớc

KHẢ KHẺ N VÀ TH, CH THỰC CẦN A VIỆT NAM TRONG HỘI NHẬP KTQT

- Các nguồn lực hầu hết còn bị hạn chế hoặc nằm trong tình trạng khó khai thác
- Sức cạnh tranh của DN và hàng hoá Việt Nam còn yếu trên thị trường thế giới
- Nguy cơ tụt hậu của nền kinh tế Việt Nam
- Xu hướng tự do hoá thương mại diễn ra mạnh mẽ, trong khi đó bảo hộ mậu dịch hết sức dày đặc với những công cụ mới
- Hệ thống luật pháp, chính sách chưa đầy đủ, đồng bộ; quản lý hành chính còn nhiều bất cập chưa phù hợp với thông lệ, tập quán và luật pháp quốc tế và

BẤT CẤP CỦA HỘI NHẬP KTQT CỦA VN

- Nhận thức , quan điểm
- Hệ thống luật pháp
- Quản lý nhà nước
- Nguồn nhân lực
- Năng lực cạnh tranh của quốc gia, doanh nghiệp và hàng hóa
- Nền hành chính quốc gia
-v.v
- Nguyên nhân của những bất cấp?

2. CÁC CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI KINH TẾ VIỆT NAM KHI GIA NHẬP WTO

TIẾP CẬN VẤN ĐỀ GIA NHẬP WTO / HNKTQT

- Phát triển & hội nhập KTQT gắn bó với nhau, là mục tiêu dài hạn → phải có tầm nhìn chiến lược, tổng thể.
- Hội nhập vào một thế giới rộng lớn đang chuyển động rất nhanh, còn nhiều thay đổi trong tương lai
- HNQT là yêu cầu của chính chúng ta → cần HN thực chất, nắm thời cơ, cạnh tranh thắng lợi, tạo vị thế mới
- HNQT là sự nghiệp của toàn dân tộc. Hai chủ thể chính : nhà nước và doanh nghiệp (Nhà nước: điều hành vĩ mô, tạo môi trường cho pt; DN: sức cạnh tranh)
- Cơ hội & thách thức đan xen nhau, không giống nhau đối với từng ngành/vùng/DN/cá nhân; có thể chuyển hóa

CÁC CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC VỀ KINH TẾ

Cơ hội:

Bên trong:

- Hoàn thiện thể chế thị trường, cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy cạnh tranh để phát triển
- Cấu trúc lại nền kinh tế về các mặt cơ cấu ngành, sản phẩm, thị trường, lao động, các khu vực doanh nghiệp theo hướng phát huy lợi thế so sánh, tạo lợi thế mới
- Phát triển doanh nghiệp, tạo việc làm, tăng thu nhập
- Phát triển khoa học công nghệ, các ngành công nghệ cao, tiếp cận kinh tế tri thức
- Khai thác và phân bổ các nguồn lực của đất nước theo hướng hiệu quả, bền vững hơn

Bên ngoài:

- Mở cửa thị trường các nước: hưởng quy chế MFN, NT, không bị phân biệt đối xử → tăng khả năng xuất khẩu, nhập khẩu một cách hiệu quả hơn
- Thu hút đầu tư nước ngoài, kết hợp hiệu quả hơn các nguồn lực trong và ngoài nước để phát triển
- Tham gia phân công lao động quốc tế thuận lợi hơn, giành vị trí cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu
- Đỡ bị khiếu kiện bất công; giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế công bằng hơn
- Tạo vị thế mới trong tham gia các vòng đàm phán toàn cầu, khu vực và song phương trong tương lai

Thách thức:

Bên trong:

- Phải sửa đổi, điều chỉnh hệ thống luật pháp, chính sách KT, hệ thống hành chính cho phù hợp
- Thể chế kinh tế thị trường chưa hoàn thiện, môi trường kinh doanh còn nhiều bất cập, trở ngại.
- Điểm xuất phát thấp, năng suất lao động thấp, cơ cấu KT lạc hậu, năng lực cạnh tranh của cả nền KT, của nhiều sản phẩm và DN còn hạn chế, kết cấu hạ tầng kém hiệu quả
- Chất lượng nguồn nhân lực thấp; trình độ, năng lực quản lý nhà nước, quản trị DN hạn chế; hệ thống giáo dục, đào tạo yếu & chậm đổi mới
- Một số ngành, sản phẩm, DN, đối tượng dân cư có thể bị thua thiệt, cần được chuẩn bị và hỗ trợ

Bên ngoài:

- Phải chấp nhận luật chơi chung (WTO & khu vực) và đương đầu với hệ thống luật phức tạp ở các nước
- Phải chấp nhận sự cạnh tranh quyết liệt ở các thị trường bên ngoài và trong nước trên hầu hết các lĩnh vực (hàng hóa, dịch vụ, nhân lực...) ở nhiều cấp độ
- Phải đối phó với nhiều rào cản kỹ thuật ở các nước
- Chịu nhiều sức ép trong những năm đầu do chưa phải là kinh tế thị trường
- Môi trường KT khu vực và thế giới nhiều biến động, cạnh tranh gay gắt, thay đổi nhanh, đòi hỏi khả năng thích ứng cao

CÁC VẤN ĐỀ LAO ĐỘNG-XÃ HỘI CẦN QUAN TÂM

- Pháp luật về lao động
- Thị trường LĐ & cạnh tranh trên thị trường LĐ
- Các tiêu chuẩn lao động, trách nhiệm XH của DN
- Chế độ tiền lương & thu nhập
- Quan hệ giữa các chủ thể lao động
- Các chính sách ngành
- Phát triển khu vực tư nhân, DN nhỏ & vừa
- Mạng lưới an sinh xã hội
- Đào tạo và đào tạo lại
- Di cư và di chuyển lao động
- Hỗ trợ các nhóm yếu thế

LỢI THẾ SO SÁNH CỦA VIỆT NAM

- Vị trí địa lý ở trung tâm vùng Đông Á năng động, phát triển và hội nhập nhanh
- Nguồn nhân lực dồi dào, trẻ, cần cù, có khả năng học hỏi và thích ứng
- Ổn định KT vĩ mô, chính trị, xã hội
- Đang hội nhập KT khu vực và toàn cầu, tham gia các liên kết quan trọng
- Có tiềm năng lớn về mở rộng thị trường nội địa
- Có tiềm năng phát triển một số ngành nông, công nghiệp, dịch vụ, xuất khẩu.

*Cần khai thác, phát triển thành **lợi thế cạnh tranh***

MỘT SỐ VẤN ĐỀ KINH TẾ VĨ MÔ CẦN GIẢI QUYẾT SAU KHI GIA NHẬP WTO VÀ HNKTQT

- ***Hoàn thiện thể chế thị trường càng sớm càng tốt***

- Xây dựng hệ thống chính sách, luật pháp theo thể chế thị trường, phù hợp với nhu cầu phát triển và các cam kết quốc tế
- Cải cách mạnh hệ thống hành chính & tư pháp các cấp, nâng cao năng lực bộ máy và cán bộ nhà nước
- Tổ chức tốt việc thực thi và giám sát thi hành PL
- Tạo môi trường kinh doanh công bằng, ổn định
- Xây dựng các thiết chế cạnh tranh, kiểm soát độc quyền, giải quyết tranh chấp

- ***Thực hiện triệt để các cải cách kinh tế và các chính sách KT-XH quan trọng:***

- Cải cách doanh nghiệp nhà nước
- Cải cách các hệ thống ngân hàng, thuế, thương mại, dịch vụ công
- Cải cách hệ thống giáo dục-đào tạo
- Phát triển các thị trường đất đai, lao động, vốn, công nghệ, thị trường các dịch vụ & hàng hóa
- Phát triển kết cấu hạ tầng
- Các chính sách hỗ trợ pt doanh nghiệp nhỏ và vừa
- Phát triển hệ thống an sinh xã hội hiệu quả

CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÁC NGÀNH KINH TẾ

- ***Thúc đẩy mạnh các ngành dịch vụ***
 - Đánh giá lại các lợi thế & hạn chế của các ngành dịch vụ VN khi tham gia thương mại quốc tế
 - Điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch pt các ngành DV
 - Pt dịch vụ thành khu vực lớn nhất trong cơ cấu KT, tăng mạnh xuất khẩu DV
 - Tự do hóa nhanh các ngành DV cho mọi DN *trong nước* (đặc biệt KV tư nhân) tham gia *trước khi* mở cửa cho bên ngoài; dỡ các rào cản, tạo cạnh tranh để pt DV.
 - Đào tạo nguồn nhân lực cho các ngành DV

- ***Điều chỉnh các chiến lược phát triển***

- Nghiên cứu, đánh giá lại các lợi thế và hạn chế của nền KTVN, của các ngành khi tham gia HNQT đầy đủ
- Điều chỉnh các chiến lược tổng thể, ngành, vùng đã có; phối hợp giữa các chiến lược / quy hoạch.
- Xây dựng những chiến lược mới: chiến lược HNQT, chiến lược thương mại (tận dụng lợi thế & thực thi các cam kết WTO, thúc đẩy các đàm phán mới)
- Ưu tiên cao các vấn đề chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, tạo năng lực cạnh tranh quốc tế, pt nguồn nhân lực, pt bền vững
- Điều chỉnh chiến lược pt các loại doanh nghiệp

- ***Phát triển công nghiệp một cách hợp lý***

- Đánh giá lại các lợi thế & hạn chế của các ngành công nghiệp VN khi tham gia thương mại quốc tế
- Điều chỉnh các chiến lược tổng thể, ngành, vùng đối với CN từ góc độ hợp tác & cạnh tranh quốc tế
- Mở rộng quyền tự do đầu tư, kinh doanh trong các lĩnh vực CN cho DN trong nước, KV tư nhân và FDI
- Điều chỉnh đầu tư của nhà nước và DNNN, tập trung vào các lĩnh vực then chốt, thiết yếu
- Phân bổ lại các nguồn lực, tập trung cho các sản phẩm có lợi thế, thu hẹp / từ bỏ những sp kém cạnh tranh
- coi trọng yêu cầu hiệu quả, chất lượng, trình độ công nghệ, NSLĐ, tạo vị thế mới trong dây chuyền toàn cầu

- ***Chuyển hướng phát triển nông nghiệp***
 - Đánh giá lại các lợi thế & hạn chế của các ngành nông nghiệp VN khi tham gia thương mại quốc tế
 - Điều chỉnh các chiến lược tổng thể, ngành, vùng đối với nông nghiệp từ yêu cầu pt & cạnh tranh quốc tế
 - Gắn pt nông nghiệp với pt nông thôn, với công nghiệp, dịch vụ, khoa học công nghệ, môi trường
 - Chuyển đổi tổ chức pt nông nghiệp theo quy mô KT
 - Chuyển đổi sản xuất nông nghiệp một cách cơ bản theo hướng đa dạng hóa, pt bền vững, coi trọng chất lượng & tiêu chuẩn sản phẩm, NSLĐ và giá trị gia tăng
 - Chuyển đổi phương thức kinh doanh nông sản phù hợp với yêu cầu thị trường trong nước & quốc tế

CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP

- ***Sắp xếp lại các lực lượng doanh nghiệp***
 - Tiến hành mạnh, quyết liệt việc cải cách DNNN: thực hiện nhanh chương trình cổ phần hóa, giảm tỉ lệ cổ phần của nhà nước trong DNNN CPH; sớm chuyển toàn bộ DNNN sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp
 - Tạo môi trường thuận lợi cho pt mạnh khu vực tư nhân trong nước, để khu vực này thành lực lượng chính trong phần lớn các ngành dịch vụ, công-nông nghiệp, xuất khẩu, đối trọng & đối tác của DNNN và FDI
 - Thu hút mạnh FDI & ĐT tài chính, phát huy vai trò FDI trong đổi mới công nghệ, chuyển đổi cơ cấu các ngành /sản phẩm, mở rộng thị trường XK, pt DN trong nước.

- ***Tạo sự phân công và hợp tác / cạnh tranh mới giữa 3 lực lượng DN:***

- DNNN: thu hẹp về số lượng, phạm vi hoạt động; nâng cao NLCT, hiệu quả & khả năng kiểm soát trong những lĩnh vực then chốt nhà nước cần nắm giữ.

- DN tư nhân trong nước: mở rộng tối đa về số lượng, phạm vi, lĩnh vực hoạt động, nâng cao NLCT, hiệu quả, vai trò động lực trong pt KT, trong xuất khẩu, tạo việc làm & cải thiện thu nhập

- DN FDI: mở rộng nhanh, liên kết & cạnh tranh với DN trong nước, là động lực trong cạnh tranh XK, tạo lợi thế mới cho VN trong mạng lưới kinh doanh toàn cầu và các liên kết khu vực

- ***Phát triển mạnh hệ thống hỗ trợ, liên kết DN***
 - Tập trung tháo gỡ sớm những rào cản chính của DN
 - Thiết kế lại các chính sách và công cụ hỗ trợ DN phù hợp với các ưu tiên pt và quy định của WTO
 - Tạo thuận lợi cho pt các dịch vụ hỗ trợ DN (BDS), xã hội hóa các DV công, cải thiện các DV hạ tầng, giáo dục đào tạo, thông tin, công nghệ...
 - Tạo thuận lợi cho các liên kết DN (clusters) ngành, vùng, làng nghề..., kể cả với các nước trong khu vực
 - Pt và phát huy mạnh vai trò của các hiệp hội DN, đặc biệt về đại diện bảo vệ quyền lợi DN, hỗ trợ, xúc tiến TM
 - Quan tâm DN vừa & nhỏ, đồng thời tạo điều kiện pt các DN tư nhân quy mô lớn, đầu đàn

ĐỊNH HÌNH LẠI CƠ CẤU CÁC SẢN PHẨM

- *Nhóm các sản phẩm có khả năng pt mạnh:* đã chịu CT, có thể thu hút thêm các nguồn lực để pt: hàng may mặc, da giày, thủy sản, đồ gỗ, khoáng sản, một số nông sản, sp công nghiệp chế tạo; các dịch vụ du lịch, CN thông tin, DV hỗ trợ kinh doanh, vận tải, xây dựng, cơ khí...
 - *Nhóm các sản phẩm có thể bị sụt giảm:* thường là các sp thay thế NK, được bảo hộ, trợ cấp nên khả năng CT thấp: sắt thép, giấy, phân hóa học, ô tô xe máy, rượu bia, thuốc lá, một số vật liệu xây dựng...; dịch vụ bán hàng trong nước, tài chính, hàng hải...
 - *Các sp khác:* có khả năng pt nhưng không cao
- Nguồn: nghiên cứu của Viện NC Quản lý KT TW (CIEM).
Cần tiếp tục các nghiên cứu sâu rộng về các sp, dịch vụ*

VỊ TRÍ CỦA DOANH NGHIỆP TRONG HNKTQT

- Là đội quân xung kích trong xây dựng và phát triển KT, tạo năng lực KT cho đất nước, nâng nền KT lên trình độ pt cao hơn
- Là lực lượng quan trọng trong tạo việc làm, xóa đói nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao thu nhập
- Là lực lượng trực tiếp đương đầu với thách thức, khai thác cơ hội, tạo khả năng cạnh tranh và thích ứng của các sản phẩm, các ngành KT, các lực lượng lao động
- Thành công hay không thành công của doanh nghiệp quyết định tương lai của đất nước trong HNKTQT

LỰC L- ỢNG DNVN HIỆN NAY

- Nước ta hiện có:
 - # 200.000 DN khu vực tư nhân chính thức (mỗi năm tăng 30-35.000)
 - # 3.000 DN nhà nước (sẽ giảm)
 - > 5.000 DN FDI (sẽ tăng)
 - > 2,6 triệu hộ kinh doanh phi nông nghiệp
 - > 9 triệu hộ nông dân có sản xuất hàng hóa
- Tỷ lệ DN chính thức trên dân số còn rất nhỏ (1/400)
- Tỷ lệ DN tồn tại sau 3 năm: 75%; sau 5 năm: 64%
- Sẽ có những thay đổi lớn sau 3-5 năm nữa

ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA DNVN

- Đa số là DN nhỏ và vừa (95 %), số DN cực nhỏ & khu vực phi chính thức rất lớn
- Có một khoảng trống lớn giữa các DN lớn (DNNN & FDI) và DN nhỏ (khu vực tư nhân trong nước)
- Đa số mới thành lập, ít kinh nghiệm kinh doanh
- Thiếu & yếu về vốn, nhân lực, thiết bị-công nghệ, vật tư, quản trị DN, tiếp cận thị trường (6M)
- Năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh thấp
- Chi phí kinh doanh cao, tỉ suất lợi nhuận thấp
- Năng lực cạnh tranh hạn chế, không dễ cải thiện
- Thiếu chiến lược phát triển / chiến lược cạnh tranh
- Thiếu liên kết thành các chuỗi giá trị, mạng KD hữu hiệu

NHỆNG KHÃ KH'' N Cũ A DNVN

- Hoạt động trong hành lang pháp lý kém thuận lợi & an toàn, môi trường kinh doanh khó khăn, không bình đẳng, nhiều rào cản, ít hỗ trợ
- Khó tiếp cận các nguồn lực cần thiết: tín dụng, đất đai, nguồn nhân lực có chất lượng, đào tạo, thông tin...
- Các dịch vụ hạ tầng chất lượng thấp, đắt đỏ, thiếu thốn
- Các dịch vụ hành chính phức tạp, đắt đỏ
- Hệ thống dịch vụ hỗ trợ KD và tổ chức hỗ trợ DN yếu
- Các hiệp hội DN chưa pt mạnh để đại diện cho quyền lợi của DN, hỗ trợ, liên kết DN
- Chính sách và các công cụ hỗ trợ DN của nhà nước thiếu công bằng, chưa hợp lý, tác dụng thấp

TÁC ĐỘNG CỦA GIA NHẬP WTO ĐỐI VỚI DNVN

Thuận lợi / cơ hội

- Nhiều cơ hội xuất khẩu do thị trường thế giới mở rộng, vị thế cạnh tranh bình đẳng hơn
- Kinh tế trong nước phát triển ổn định
- Hành lang pháp lý & môi trường kinh doanh được cải thiện, minh bạch, bình đẳng, cạnh tranh hơn
- Cơ hội tiếp cận tín dụng, công nghệ, thông tin, các dịch vụ, thiết bị, vật tư đầu vào... tốt hơn
- Cơ hội xây dựng chiến lược KD, tạo liên kết mới để pt
- Các tranh chấp TM quốc tế được giải quyết công bằng hơn

TÁC ĐỘNG CỦA GIA NHẬP WTO ĐỐI VỚI DNVN

Khó khăn / thách thức

- Cạnh tranh quyết liệt hơn, cả ở thị trường trong nước
- Phải học hỏi, hiểu các quy định của WTO, các cam kết khu vực & luật lệ của các nước bạn hàng
- Phải áp dụng nhiều tiêu chuẩn trong nước và quốc tế
- Phải thận trọng hơn khi chọn lựa bạn hàng, thị trường, phương thức kinh doanh, khi ký kết hợp đồng
- Nhiều ưu đãi, trợ cấp, bảo hộ của Nhà nước bị bãi bỏ
- Thị trường biến động nhanh, đòi hỏi khả năng thích ứng
- Nhiều vấn đề tồn tại không dễ khắc phục
- Một số ngành, sản phẩm, DN có thể bị thua thiệt

CÁC YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH NLCT CỦA DN

- Chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt
- Hiểu biết và đáp ứng nhu cầu của khách hàng
- Hệ thống phân phối sản phẩm, dịch vụ tốt
- Giảm giá thành, nâng giá trị gia tăng của DN
- Xây dựng & pt thương hiệu, uy tín của DN
- Phát triển nguồn nhân lực, nâng trình độ chuyên môn
- Quản trị DN tốt, đặc biệt về tài chính & con người
- Đổi mới công nghệ, nâng năng suất, chất lượng sp
- Tạo được liên kết, hợp tác tốt với các DN liên quan
- Linh hoạt, thích ứng khi điều kiện thị trường thay đổi

DNVN CẦN LÀ M G×ÃO HNQT THà NH CẦNG

- Tìm hiểu các vấn đề về phát triển & hội nhập, thường xuyên trau dồi kiến thức, nắm bắt thông tin (tự học, sử dụng chuyên gia, tư vấn ngoài DN)
- Đổi mới tư duy kinh doanh phù hợp với bối cảnh mới
- Xây dựng chiến lược KD của DN trên cơ sở lợi thế so sánh & theo hướng nâng cao vị trí trong chuỗi giá trị
- Áp dụng các biện pháp nâng cao NLCT & vị trí trong chuỗi giá trị
- Tăng cường hợp tác với các DN khác, tham gia các liên kết, mạng lưới và hiệp hội.

ĐỔI MỚI T- DUY KINH DOANH ĐỂ HNQT

- Từ bỏ tư duy ỷ lại vào bảo hộ & bao cấp, ưu đãi của nhà nước, dựa dẫm vào quan hệ thân quen
- Từ bỏ những thói quen không phù hợp (chạy chọt, tù mù, làm hàng nhái, hàng giả...)
- Chấp nhận cạnh tranh & qui luật đào thải của thị trường
- Thay tư duy ngắn hạn bằng chiến lược, tầm nhìn xa
- Thay tư duy “ai thắng ai” bằng “các bên cùng thắng”
- Thay tư duy làm khép kín bằng liên kết, hợp tác, chuyên môn hóa; tham gia clusters, out-sourcing, off-shoring
- Coi trọng nghiên cứu thị trường, khách hàng, tiêu thụ sản phẩm; căn cứ vào đó để xây dựng kế hoạch KD

ĐỔI MỚI CHIẾN LƯỢC CẠNH TRANH CỦA DN

- Biết mình biết người, tạo thế các bên cùng thắng (win-win)
- Tìm đường phát triển và xây dựng lợi thế (hơn là chỉ tìm cách xóa bỏ bất lợi thế), chú trọng lợi thế động (hơn là lợi thế tĩnh) và tạo thêm giá trị gia tăng
- Không ngừng tự cải thiện, sáng tạo, làm tốt hơn và làm khác hơn những việc DN đang làm
- Gắn với sự tiến hóa của toàn ngành và vị trí của DN trong ngành
- Thích ứng với sự thay đổi (thay đổi lợi thế CT)

NÂNG CAO GIÁ TRỊ GIA TĂNG CỦA DN

- Nâng cao giá trị gia tăng trong quá trình sản xuất-kinh doanh là yếu tố quyết định để nâng cao NLCT của DN VN, tạo khả năng cho DN trụ vững & phát triển
GTGT = giá trị DN tạo thêm trong quá trình SX-KD
→ đòi hỏi nỗ lực của cả DN và Nhà nước
- DNVN thường tập trung vào khâu sản xuất, gia công, lắp ráp, ít chú ý dịch vụ → yếu thế, GTGT & lợi nhuận thấp.
- Cần chuyển hướng mạnh sang cải thiện khâu R&D, marketing & phân phối, phát triển dịch vụ để tạo thêm GTGT.

Làm thế nào để chuyển dần lên phía trên chuỗi giá trị

Đối với DN cần:

- ứng dụng tiến bộ công nghệ, khuyến khích sáng tạo
- đào tạo nhân lực quản trị DN, kỹ thuật chuyên môn & lao động
- cải thiện quản trị DN, ứng dụng hệ thống quản trị tiên tiến
- chủ động xây dựng các mối liên kết KD trong & ngoài nước

Đối với Nhà nước cần:

- cải thiện mạnh chất lượng giáo dục - đào tạo
- tăng năng lực hấp thụ tác động lan tỏa từ đầu tư nước ngoài
- pt các dịch vụ hạ tầng, dịch vụ hỗ trợ KD; tự do hóa dịch vụ
- thiết lập môi trường cạnh tranh và xử lý có hiệu lực các tranh chấp

CHỌN LỰA CHIẾN LƯỢC CẠNH TRANH CỦA DN

- *3 hướng chiến lược cạnh tranh cơ bản:*
 - Cạnh tranh bằng giá (cost leadership)
 - Cạnh tranh bằng sự khác biệt (differentiation)
 - Tập trung vào trọng tâm (focus)
- *3 động lực cạnh tranh theo Trung tâm TM Quốc tế ITC:*
 - Phản ứng nhanh
 - Tham gia dây chuyền cung cấp toàn cầu hóa
 - Dịch vụ trọn gói

NHÀ N- ỚC CẦN LÀM GÌ ĐỂ HỖ TRỢ DN TRONG HỘI NHẬP KTQT

- Thực hiện các điều chỉnh chiến lược cần thiết phù hợp với bối cảnh mới của phát triển & HNKTQT
- Hoàn thiện hệ thống luật pháp, tạo hành lang pháp lý an toàn & môi trường cạnh tranh bình đẳng cho mọi DN
- Cải cách hành chính mạnh mẽ, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, đề cao tính minh bạch & trách nhiệm giải trình; đội ngũ cán bộ có năng lực, phẩm chất, ý thức phục vụ; kỷ cương HC nghiêm minh
- Thực sự quan tâm phát triển nguồn nhân lực; cải cách mạnh mẽ hệ thống giáo dục, đào tạo
- Tiếp tục phát triển, nâng cấp & giảm chi phí kết cấu hạ tầng, đặc biệt cho KT đối ngoại

- Nâng chất lượng & giảm chi phí các dịch vụ do nhà nước quản lý & do DNNN độc quyền cung cấp
- Tạo điều kiện cho phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ DN, nhất là DN nhỏ và vừa, DN ở nông thôn
- Tạo điều kiện cho phát triển các hiệp hội DN, liên kết DN
- Phát huy tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước, phân bổ & sử dụng các nguồn lực một cách hiệu quả, công bằng
- Tiếp tục một đường lối đối ngoại khôn ngoan, tận dụng & tạo dựng thêm các kênh hợp tác song phương, đa phương phục vụ lợi ích phát triển của đất nước.
- Thực hiện quyết liệt chủ trương chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tệ đối trá

Các địa phương làm gì để tạo điều kiện pt DN

- Tổ chức thực hiện nghiêm pháp luật, tạo môi trường KD tại chỗ thuận lợi, an toàn, thân thiện
- Thực hiện quyết liệt cải cách hành chính ở địa phương, giảm chi phí thời gian & tiền bạc về hành chính cho DN
- Cải thiện chất lượng & giảm chi phí các dịch vụ hạ tầng
- Mở mang & tạo thuận lợi cho DN tiếp cận các nguồn lực: đất, tín dụng, nhân lực, đào tạo, thông tin...
- Khuyến khích pt các dịch vụ & tổ chức hỗ trợ KD/ DN
- Tạo điều kiện pt, coi trọng & hợp tác với các hiệp hội DN để chăm lo quyền lợi của DN, hỗ trợ, liên kết DN
- Vận dụng tốt (minh bạch, hiệu quả, công bằng) các chính sách & công cụ hỗ trợ DN của nhà nước

Những con đường phía trước

- “Những con đường dẫn tới cơ hội ở thế kỷ 21 là *tài kinh doanh, liên doanh, hợp tác, liên minh, mạng toàn cầu*. Các cơ hội tốt đều nằm ở đó trên khắp thế giới, đặc biệt là tại châu Á.” (John Naisbitt)
- “Ở thế kỷ 21, người chiến thắng sẽ là những ai đứng phía trước đường cong thay đổi, *không ngừng xem xét lại ngành nghề của mình, tạo ra những thị trường mới, khai phá con đường mới, sáng tạo lại các quy tắc cạnh tranh, thách thức với hiện trạng*” (Charles Handy)